

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ BÔNG SEN
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2017



MỤC LỤC

	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 - 4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	5 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	8
BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU	9
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	10 - 20

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Bông Sen (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và cho đến ngày lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng Quản trị:

Ông Phan Tuấn Sơn	Chủ tịch
Ông Nguyễn Đức Tài	Thành viên
Ông Phan Văn Chiến	Thành viên
Ông Đoàn Ngọc Hoàn	Thành viên (bổ nhiệm ngày 28 tháng 04 năm 2017)

Ban Giám đốc:

Ông Nguyễn Đức Tài	Giám đốc
Ông Phạm Trọng Bình	Phó Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập các báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



Nguyễn Đức Tài
Giám đốc

Hà Nội, ngày 29 tháng 03 năm 2018



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN TÀI CHÍNH QUỐC TẾ International Auditing and Financial Consulting Company Limited

Địa chỉ: Tầng 15, Tòa nhà Center Building - Hapulico Complex, Số 1 Nguyễn Huy Tưởng, Q. Thanh Xuân, Hà Nội
Address: 15th Floor, Center Building - Hapulico Complex, No. 1 Nguyen Huy Tuong Str., Thanh Xuan Dist., Hanoi
Tel: (+84) 24 666 42 777 Fax: (+84) 24 666 43 777 Email: ifc@ifcvietnam.com.vn Website: www.ifcvietnam.com.vn

Số: 032906/2018/BCKT-IFC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Bông sen**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Bông sen (gọi tắt là “Công ty”) được lập ngày 29 tháng 03 năm 2018 từ trang 5 đến trang 20, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ, Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP THEO)

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài



Nguyễn Nam Cường
Phó Tổng Giám đốc
Chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 1950-2018-072-1
Thay mặt và đại diện cho
Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Tài chính
Quốc tế (IFC)
Hà Nội, ngày 29 tháng 03 năm 2018

Nguyễn Huy Hùng
Kiểm toán viên
Chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 2335-2018-072-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017	01/01/2017
A – TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		11.261.108.936	11.763.959.422
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		28.753.453	23.314.025
1. Tiền	111	V.1	28.753.453	23.314.025
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V2	10.611.127.481	11.128.905.932
1. Đầu tư ngắn hạn	121		11.694.564.766	12.444.822.831
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		(1.083.437.285)	(1.315.916.899)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		205.667.040	199.802.963
1. Phải thu hoạt động nghiệp vụ	134	V.3	38.319.672	41.011.850
2. Các khoản phải thu khác	135	V.4	167.347.368	14.342.410.943
3. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		-	(14.183.619.830)
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		415.560.962	411.936.502
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		99.718.380	95.313.920
2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	V.5	315.092.582	315.092.582
3. Tài sản ngắn hạn khác	158		750.000	1.530.000
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		132.229.598	139.238.429
I. Tài sản cố định	220		-	7.008.831
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.6	-	7.008.831
- Nguyên giá	222		78.681.200	78.681.200
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(78.681.200)	(71.672.369)
2. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
- Nguyên giá	228		99.000.000	99.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(99.000.000)	(99.000.000)
II. Tài sản dài hạn khác	260		132.229.598	132.229.598
1. Tài sản dài hạn khác	268		132.229.598	132.229.598
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		11.393.338.534	11.903.197.851


BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị: VND


A. NỢ PHẢI TRẢ	300		212.761.576	202.095.855
I. Nợ ngắn hạn	310		181.501.957	170.836.236
1. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.7	13.695.801	16.223.942
2. Chi phí phải trả	316	V.8	23.220.000	21.219.998
3. Các khoản phải trả khác	319		28.154.643	25.226.811
4. Quỹ khen thưởng phúc lợi	323		10.194.294	10.194.294
5. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	328		106.237.219	97.971.191
II. Nợ dài hạn	330		31.259.619	31.259.619
1. Quỹ dự phòng bồi thường thiệt hại	359	V.9	31.259.619	31.259.619
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		11.180.576.958	11.701.101.996
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.10	11.180.576.958	11.701.101.996
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		25.000.000.000	25.000.000.000
2. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		(13.819.423.042)	(13.298.898.004)
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		11.393.338.534	11.903.197.851


CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017	01/01/2017
1. Nợ khó đòi đã xử lý	004		14.183.619.830	-
2. Chứng khoán lưu ký của công ty quản lý quỹ	006		1.684.180.000	1.503.840.000
- Chứng khoán giao dịch	007		1.684.180.000	1.503.840.000
3. Tiền gửi của nhà đầu tư ủy thác	030		796.348.630	14.000.351.770
- Tiền gửi của nhà đầu tư ủy thác trong nước	031		50.975.460	57.667.056
- Tiền gửi của nhà đầu tư ủy thác nước ngoài	032		745.373.170	13.942.684.714
4. Danh mục đầu tư của nhà đầu tư ủy thác	040	V.11	11.233.072.829	10.256.675.753
- Nhà đầu tư ủy thác trong nước	041		6.314.108.808	4.682.938.709
- Nhà đầu tư ủy thác nước ngoài	042		4.918.964.021	5.573.737.044
5. Các khoản phải thu của nhà đầu tư ủy thác	050	V.12	112.748.219	118.591.191
6. Các khoản phải trả của nhà đầu tư ủy thác	051	V.13	38.319.672	40.857.334


Nguyễn Thế Hưng
 Người lập

Hà Nội, ngày 29 tháng 03 năm 2018


Nguyễn Thế Hưng
 Kế toán trưởng


Nguyễn Đức Tài
 Giám đốc



BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị : VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2017	Năm 2016
1. Doanh thu	01	VI.1	470.448.430	229.009.136
2. Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh	10		470.448.430	229.009.136
3. Chi phí hoạt động kinh doanh, giá vốn hàng	11	VI.2	1.024.798.438	975.020.520
4. Lợi nhuận gộp của hoạt động kinh doanh	20		(554.350.008)	(746.011.384)
5. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	941.491.039	752.702.236
6. Chi phí tài chính	22	VI.4	196.773.257	284.264.599
7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		712.024.812	695.380.907
8. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(521.657.038)	(972.954.654)
9. Thu nhập khác	31		1.132.000	-
11. Chi phí khác	32		-	-
10. Lợi nhuận khác	40		1.132.000	-
11. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(520.525.038)	(972.954.654)
12. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		-	-
13. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		(520.525.038)	(972.954.654)
14. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.5	(208)	(389)



Nguyễn Thế Hưng
Người lập
Hà Nội, ngày 29 tháng 03 năm 2018



Nguyễn Thế Hưng
Kế toán trưởng





Nguyễn Đức Tài
Giám đốc

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp trực tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

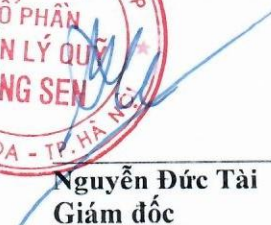
Đơn vị: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Năm 2017	Năm 2016
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Tiền thu từ hoạt động nghiệp vụ, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	3,113,315,458	251,227,403
2. Tiền chi trả cho hoạt động nghiệp vụ và người cung cấp hàng hóa, dịch vụ	02	(1,762,116,779)	(625,528,536)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(855,397,081)	(852,099,994)
4. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	40,623,813	1,000,925,940
5. Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	07	(766,751,242)	(2,725,417,064)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(230,325,831)	(2,950,892,251)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(305,317,313)	-
2. Tiền thu từ thanh lý các khoản đầu tư công cụ nợ của đơn vị khác	24	-	2,609,381,921
3. Tiền thu cổ tức và lợi nhuận được chia	27	541,082,572	262,398,521
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	235,765,259	2,871,780,442
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	-	-
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	5,439,428	(79,111,809)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	23,314,025	102,425,834
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	28,753,453	23,314,025


Nguyễn Thế Hưng
Người lập
Hà Nội, ngày 29 tháng 03 năm 2018


Nguyễn Thế Hưng
Kế toán trưởng




Nguyễn Đức Tài
Giám đốc

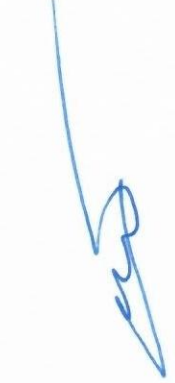
BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị: VND

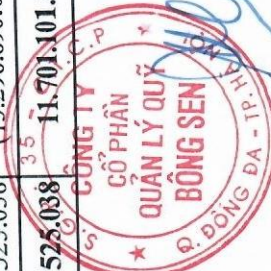
Chỉ tiêu	Số dư đầu năm		Số tăng/giảm				Số dư cuối năm	
	01/01/2016	01/01/2017	Năm 2016		Năm 2017		31/12/2016	31/12/2017
			Tăng	Giảm	Tăng	Giảm		
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	25.000.000.000	25.000.000.000	-	-	-	-	25.000.000.000	25.000.000.000
2. Lợi nhuận chưa phân phối	(12.325.943.351)	(13.298.898.004)	-	972.954.654	-	520.525.038	(13.298.898.004)	(13.819.423.042)
Cộng	12.674.056.649	11.701.101.996	-	972.954.654	-	520.525.038	11.701.101.996	11.180.576.958



Nguyễn Thế Hưng
 Người lập
 Hà Nội, ngày 29 tháng 03 năm 2018



Nguyễn Thế Hưng
 Kế toán trưởng



Nguyễn Đức Tài
 Giám đốc

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Bông Sen (gọi tắt là “Công ty”) là Công ty Cổ phần được chuyển đổi hình thức sở hữu từ Công ty TNHH Quản lý quỹ Đầu tư Chứng khoán Bông Sen theo Giấy phép số 35/UBCK-GP do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 10 tháng 03 năm 2009, giấy phép điều chỉnh số 53/GPĐC-UBCK của Ủy ban chứng khoán Nhà nước cấp ngày 14 tháng 11 năm 2012 và giấy phép điều chỉnh số 13/GPĐC-UBCK của Ủy ban chứng khoán Nhà nước cấp ngày 17 tháng 06 năm 2015.

Vốn Điều lệ của Công ty là 25.000.000.000 đồng.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 12 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 11 người).

Số nhân viên có chứng chỉ hành nghề quản lý quỹ tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 7 người.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại: Phòng 1806, tầng 18, Charmvit Tower, 117 Trần Duy Hưng, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội.

Ngành, nghề kinh doanh và hoạt động chính

Hoạt động chính của Công ty bao gồm quản lý Quỹ đầu tư chứng khoán, công ty đầu tư chứng khoán, quản lý danh mục đầu tư, và tư vấn đầu tư chứng khoán.

II. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH**Cơ sở lập Báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**Áp dụng Chuẩn mực**

Công ty đã tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán Việt Nam trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty đã áp dụng Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 05 tháng 09 năm 2011 do Bộ Tài chính ban hành trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là kế toán trên máy vi tính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá 03 tháng, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Ngoại tệ

Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái”. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên.

Kế toán các khoản đầu tư chứng khoán

Các khoản đầu tư chứng khoán được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua khoản đầu tư chứng khoán và được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư chứng khoán.

Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo nguyên giá trừ các khoản giảm giá đầu tư chứng khoán.

Giá vốn của các chứng khoán được xác định là bán ra trong kỳ được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán được trích lập cho từng loại chứng khoán tại thời điểm kết thúc năm tài chính khi giá thị trường cùng thời điểm thấp hơn giá trị đầu tư ghi nhận ban đầu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thoả mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi, lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được ghi nhận là thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Thiết bị dụng cụ quản lý	03

Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình tại Công ty thể hiện giá trị phần mềm kế toán với nguyên giá là 99.000.000 đồng được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Phần mềm kế toán được khấu hao theo phương pháp đường thẳng với thời gian sử dụng ước tính là 5 năm.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thoả mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng Cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**Các khoản dự phòng**

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận (hoặc lỗ) sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

Các bên liên quan

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp - kể cả công ty mẹ, công ty con, công ty liên kết - các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung kiểm soát với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải là hình thức pháp lý.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Tiền mặt	16.608.580	2.421.138
Tiền gửi ngân hàng	12.144.873	20.892.887
Cộng	28.753.453	23.314.025

2. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn

	31/12/2017		01/01/2017	
	Số lượng	Giá trị (VND)	Số lượng	Giá trị (VND)
- Tiền gửi có kỳ hạn		5.178.968.209		4.873.650.896
- Cổ phiếu đầu tư ngắn hạn		6.515.596.557		7.571.171.935
Chi tiết danh mục cổ phiếu bị giảm giá				
<i>GDT</i>	8.390	477.657.954	10.450	594.937.500
<i>TTF</i>	4	110.876	4	110.876
<i>SHI</i>	2	42.615	2	42.615
<i>FLC</i>	-	-	21.600	199.038.560
<i>QHD</i>	-	-	4.600	281.161.200
<i>NCT</i>	-	-	3.690	421.501.320
<i>CVT</i>	-	-	12.800	502.178.088
<i>Saraecom</i>	50.000	-	50.000	-
- Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn		(1.083.437.285)		(1.315.916.899)
Cộng		10.611.127.481		11.128.905.932

3. Phải thu hoạt động nghiệp vụ

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Phải thu hoạt động quản lý danh mục đầu tư	38.319.672	41.011.850
Cộng	38.319.672	41.011.850

4. Các khoản phải thu khác

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	-	14.183.619.830
Phải thu ngắn hạn khác	167.347.368	158.791.113
Cộng	167.347.368	14.342.410.943

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)*Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)****5. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước**

	<u>31/12/2017</u>	<u>01/01/2017</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Thuế thu nhập doanh nghiệp nộp thừa	315.092.582	315.092.582
	<u>315.092.582</u>	<u>315.092.582</u>

6. Tài sản cố định hữu hình

	<u>Thiết bị dụng cụ quản lý VND</u>	<u>Tổng cộng VND</u>
NGUYÊN GIÁ		
Tại ngày 01/01/2017	78.681.200	78.681.200
Tại ngày 31/12/2017	<u>78.681.200</u>	<u>78.681.200</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ		
Tại ngày 01/01/2017	71.672.369	71.672.369
Khấu hao trong năm	7.008.831	7.008.831
Tại ngày 31/12/2017	<u>78.681.200</u>	<u>78.681.200</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
Tại ngày 01/01/2017	<u>7.008.831</u>	<u>7.008.831</u>
Tại ngày 31/12/2017	<u>-</u>	<u>-</u>

7. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	<u>31/12/2017</u>	<u>01/01/2017</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Thuế thu nhập cá nhân	13.695.801	16.223.942
Cộng	<u>13.695.801</u>	<u>16.223.942</u>

8. Chi phí phải trả

	<u>31/12/2017</u>	<u>01/01/2017</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Phí kiểm toán	22.000.000	19.999.998
Khác	1.220.000	1.220.000
Cộng	<u>23.220.000</u>	<u>21.219.998</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

9. Quỹ dự phòng bồi thường thiệt hại

	Số tiền VND
Tại ngày 01/01/2017	31.259.619
Số hoàn nhập trong năm	-
Số trích lập trong năm	-
Tại ngày 31/12/2017	31.259.619

10. Vốn chủ sở hữu

a) Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Số dư tại ngày 01/01/2016	25.000.000.000	(12.325.943.351)	12.674.056.649
Lỗ trong năm	-	(972.954.654)	(972.954.654)
Số dư tại ngày 31/12/2016	25.000.000.000	(13.298.898.004)	11.701.101.996
Lỗ trong năm	-	(520.525.038)	(520.525.038)
Số dư tại ngày 31/12/2017	25.000.000.000	(13.819.423.042)	11.180.576.958

b) Cổ phiếu

	31/12/2017 Cổ phiếu	01/01/2017 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	2.500.000	2.500.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	2.500.000	2.500.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	2.500.000	2.500.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	2.500.000	2.500.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	2.500.000	2.500.000

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phiếu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

11. Danh mục đầu tư của nhà đầu tư ủy thác

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
<u>Nhà đầu tư ủy thác trong nước</u>		
Cổ phiếu niêm yết	6.314.108.808	4.682.938.709
<i>Chi tiết cổ phiếu niêm yết bị giảm giá</i>	<i>Giá mua</i>	<i>Giá mua</i>
IDJ	1.916.837.525	2.165.487.490
LTG	272.704.320	-
GDT	100.673.589	-
MWG	72.157.892	-
VPB	66.886.683	-
QHD	-	174.614.820
VNM	-	97.635.503
VCS	-	70.665.251
HPG	-	53.322.239
TA9	-	8.625.379
Cổ phiếu không niêm yết	-	-
<u>Nhà đầu tư ủy thác nước ngoài</u>		
Cổ phiếu niêm yết	4.898.964.021	5.523.737.044
<i>Chi tiết cổ phiếu niêm yết bị giảm giá</i>	<i>Giá mua</i>	<i>Giá mua</i>
CTD	822.241.200	-
PVD	536.801	451.450.178
SBT	98.765	-
CSM	58.512	26.973.888
SSI	-	495.497.600
NCT	-	309.215.841
QHD	-	178.556.400
TA9	-	166.732.800
CTG	-	161.370.900
VNM	-	93.247.093
FLC	-	69.683.520
SĐT	-	18.822.560
Cổ phiếu không niêm yết	20.000.000	50.000.000
Cộng	4.918.964.021	5.573.737.044
Tổng cộng	11.233.072.829	10.256.675.753

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

12. Các khoản phải thu của nhà đầu tư ủy thác

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Phải thu phí quản lý	106.237.219	97.971.191
Phải thu cổ tức	6.511.000	20.620.000
Cộng	112.748.219	118.591.191

13. Các khoản phải trả của nhà đầu tư ủy thác

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Phải trả thuế	7.531.764	10.069.426
Phải trả phí quản lý	30.787.908	30.787.908
Cộng	38.319.672	40.857.334

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Doanh thu

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Doanh thu từ phí quản lý	133.383.596	100.077.830
Doanh thu từ phí thưởng	337.064.834	128.931.306
Cộng	470.448.430	229.009.136

2. Chi phí hoạt động kinh doanh, giá vốn hàng bán

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Chi phí hoạt động quản lý danh mục đầu tư	1.024.798.438	975.020.520
Cộng	1.024.798.438	975.020.520

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Lãi tiền gửi	317.723.523	335.860.261
Lãi đầu tư tài chính	391.852.212	158.599.739
Cổ tức lợi nhuận được chia	231.915.304	258.242.236
Cộng	941.491.039	752.702.236

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)*Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (TIẾP THEO)****4. Chi phí tài chính**

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn	423.504.750	76.381.787
Dự phòng/hoàn nhập giảm giá các khoản đầu tư tài chính	(232.479.614)	205.424.154
Chi phí tài chính khác	5.748.121	2.458.658
Cộng	196.773.257	284.264.599

5. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN	(520.525.038)	(972.954.654)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể phân phối cho các cổ đông	(520.525.038)	(972.954.654)
Số bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông	2.500.000	2.500.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	(208)	(389)

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**1. Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và bộ phận theo khu vực địa lý****Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh**

Để phục vụ mục đích quản lý, cơ cấu tổ chức của Công ty được chia thành 3 bộ phận hoạt động là bộ phận hoạt động quản lý quỹ đầu tư chứng khoán và công ty đầu tư chứng khoán, bộ phận hoạt động quản lý danh mục đầu tư chứng khoán và bộ phận tư vấn đầu tư chứng khoán. Tuy nhiên, trong năm chỉ phát sinh doanh thu bộ phận hoạt động quản lý danh mục đầu tư chứng khoán (chi tiết trong thuyết minh số VI.1 và VI.2). Do đó, Công ty không thực hiện lập báo cáo bộ phận cho các hoạt động kinh doanh của Công ty.

Bộ phận theo khu vực địa lý

Bộ phận theo khu vực địa lý là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong môi trường kinh tế khác.

Công ty có trụ sở đặt tại phòng 1806, tầng 18, Charmvit Tower, 117 Trần Duy Hưng, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội. Đồng thời, Công ty không có công ty con hay chi nhánh nào khác. Do đó, Công ty không có nghĩa vụ phải trình bày báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 28 - Báo cáo bộ phận.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)*Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)****2. Thông tin về các bên liên quan**

Thu nhập của Ban giám đốc của Công ty được hưởng trong năm như sau:

Ban giám đốc	Mối quan hệ	Tính chất giao dịch	Năm 2017	Năm 2016
			VND	VND
Ông Nguyễn Đức Tài	Giám đốc	Tiền lương	107.262.564	107.262.564
Ông Phạm Trọng Bình	Phó Giám đốc	Tiền lương	105.600.000	105.600.000

3. Sự kiện sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính và cho đến thời điểm lập báo cáo này cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trong Báo cáo tài chính.

4. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 đã được kiểm toán.


 Nguyễn Thế Hưng
 Người lập

Hà Nội, ngày 29 tháng 03 năm 2018


 Nguyễn Thế Hưng
 Kế toán trưởng


 Nguyễn Đức Tài
 Giám đốc
